

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

CHƯƠNG V: YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm xe ô tô cuốn ép chở rác
- Nguồn vốn: Vốn doanh nghiệp.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 3 năm 2026.
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 40 ngày.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải đáp ứng các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

- * Nhà thầu tổ chức vận hành chạy thử, đào tạo, chuyển giao công nghệ.
- * Nhà thầu khi chọn đặc tính kỹ thuật tương tự, phải có tính năng sử dụng và chất lượng tương đương (bằng hoặc cao hơn) với yêu cầu chi tiết kỹ thuật đã nêu đề nghị nhà thầu phải có trách nhiệm:
 - + Chứng minh được tính năng kỹ thuật, tính năng sử dụng và chất lượng tương đương (bằng hoặc cao hơn).
 - + Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, kiểm định tính năng kỹ thuật, tính năng sử dụng và chất lượng mà nhà thầu đưa ra khác với yêu cầu chi tiết kỹ thuật nêu trong hồ sơ chào hàng cạnh tranh thông qua một đơn vị có chức năng.
 - + Thông số kỹ thuật của xe ô tô phải đáp ứng các yêu cầu sau hoặc cao hơn.

STT	Nội dung thông tin thiết bị		Bảng thông số kỹ thuật phải đạt các yêu cầu hoặc tương đương
1	Loại phương tiện		Xe Ô tô chở rác (Cuốn ép rác)
2	Nước Sản xuất		Việt Nam
3	Điều Hòa		Có
4	Thông số chính		
4.1	Kích thước bao ngoài		6970 x 2250 x 2750 (mm)
4.2	Công thức bánh xe		4 x 2
4.3	Chiều dài cơ sở		3775 mm
5	Khối lượng		
5.1	Khối lượng bản thân		6405 Kg
5.2	Khối lượng cho phép chở		4000 Kg
5.3	Khối lượng toàn bộ		10.600 Kg
5.4	Số chỗ ngồi		03 (kể cả người lái)
6	Động cơ		
6.1	Loại		Động cơ Diesel 4 kỳ, 04 xy lanh thẳng hàng, TURBO tăng áp, làm mát bằng nước.
6.2	Dung tích xy lanh		3933 cm ³
6.3	Công suất lớn nhất/ tốc độ quay trục khuỷu		125/2500 (KW/r/min)
7	Khung xe		
7.1	Hộp số		05 số tiến . 01 số lùi
7.2	Hộp số chính	Kiểu	Cơ khí
		Tỉ số truyền	-

8	Hệ thống lái		Trục vít - ê cu bi, trợ lực thuỷ lực
9	Hệ thống phanh		
9.1	Hệ thống phanh chính		Kiểu tang trống , trợ lực chân không.
9.2	Hệ thống phanh dừng		Kiểu tang trống, tác động lên trục thứ cấp của hộp số
10	Cầu xe		
10.1	Cầu trước		Tiết diện ngang kiểu I
10.2	Cầu sau	Kiểu	Cầu thép, tiết diện ngang kiểu hộp
		Tỉ số truyền	-
11	Lốp xe		8.25 – 16
12	Số bánh		Trước : Đơn (02) – Sau : Đôi (04)
13	Ca bin		Kiểu lật, 03 chỗ ngồi, có điều hòa và thiết bị khóa an toàn.
14	Các thông số khác		
14.1	Dung tích bình nhiên liệu		100 Lít
14.2	Bộ trích công suất (PTO)		Bộ truyền lực PTO
14.3	Kiểu truyền động		Dẫn động bánh răng qua hộp số xe cơ sở
14.4	Kiểu điều khiển		Cơ khí, kết hợp với ly hợp đặt trên cabin
14.5	Thiết bị của bảng điều khiển		Trang bị tiêu chuẩn của nhà sản xuất xe cơ sở
15	Thùng chuyên dùng ép chở rác		
15.2	Thể tích thùng chứa ép rác		10 m ³
15.3	Vật liệu chính		Inox 430 – Thép Q345b
15.4	Vật liệu sàn thùng dưới		Inox 430 dày 04 mm
15.5	Vật liệu nóc thùng		Inox 430 dày 03 mm

15.6	Vật liệu thành thùng	Inox 430 dày 03 mm
15.7	Khung xương định hình	Dạng thép hộp có tăng ke cứng bảo vệ bên thùng Vật liệu : Thép Q345b dày 05 – 08 mm
15.8	Mặt bàn xả xy lanh tầng	Inox 430 dày 03 mm
15.9	Ray trượt bàn xả xy lanh tầng	Inox 430 – Dày 06 – 08 mm
15.10	Liên kết	Cơ cấu khóa tự động, có doăng cao su làm kín và giảm va đập
16	Cơ cấu cuộn ép nạp rác	
16.1	Thể tích máng ép rác	0.7 m ³
16.2	Vật liệu chế tạo	Inox 430 dày 05 mm
16.3	Vật liệu thành	Thép độ dày 04 mm
16.4	Vật liệu máng cuộn	Thép độ dày 05 mm
16.5	Mặt máng cuộn	Inox 430 dày 04 mm
16.6	Vật liệu Lưỡi cuộn	Thép độ dày 05 mm
16.7	Mặt lưỡi cuộn	Inox 430 dày 04 mm
16.8	Vật liệu khung xương định hình	Thép Q345b dày 06 - 08 mm
17	Thùng chứa nước rác	
17.1	Dung tích thùng chứa	300 Lít
17.2	Vật liệu	Inox 201 dày 02 - 03 mm
17.3	Vị trí	+ Dưới máng ép rác có van xả nước và cửa dọn rác + Bộ đứng và tay vịn cho công nhân làm việc
18	Hình thức nạp cuộn ép rác	

18.1	Cơ cấu nạp rác	Hệ thống cào gắp đa năng có nắp đậy ở đuôi thùng vận hành bằng xi lanh thủy lực (để đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường trong quá trình xe di chuyển)
18.2	Vật liệu	Thép Q345
19	Hệ thống thủy lực	
19.1	Bơm thủy lực	
-	Nhãn hiệu	OMFB - FOX (hoặc tương đương)
-	Kiểu loại	Bơm bánh răng
-	Lưu lượng bơm	63 cc/ vòng
-	Áp suất làm việc : Min – max	120 - 280 Kg/cm ²
19.2	Bộ chia - Ngăn kéo thủy lực	
-	Kiểu loại	Dạng 03 – 04 tay
-	Nhãn hiệu	Galtech hoặc Blb (hoặc tương đương)
-	Lưu lượng	50 – 70 lít / phút
-	Áp suất làm việc	120 – 280 kg /cm ²
-	Nguyên lý hoạt động	Thông qua bơm thủy lực điều khiển dầu thủy lực tạo áp Điều khiển bằng hệ thống tay cần cơ khí bên phụ
19.3	Van phân phối	
-	Kiểu loại	Dạng van 02 tay
-	Nhãn hiệu	Galtech hoặc Blb (hoặc tương đương)
-	Áp suất làm việc : Min – Max	150 – 280 Kg/cm ²
-	Nguyên lý hoạt động	Thông qua bơm thủy lực điều khiển dầu thủy lực tạo áp

19.4	Xy lanh 03 tầng	
-	Kiểu loại	03 tầng dạng 02 chiều
-	Áp suất làm việc : min max	120 - 280 kg/cm ²
-	Lực đẩy lớn nhất	10 – 12 tấn
-	Nguyên lý làm việc	+ Khi rác được nạp đầy vào thùng rác thông qua van phân phối 02 tay vận hành + Trượt trên ray trượt bàn xả
19.5	Hệ thống xy lanh thủy lực	
-	Xy lanh ép rác – nạp rác	04 chiếc
-	Xy lanh nâng phao câu	02 chiếc
-	Xy lanh kẹp (khi dùng cơ cấu kẹp thùng nhựa)	01 chiếc
-	Loại xy lanh	02 chiều
-	Chất lượng	Nhập khẩu và gia công sản xuất tại Việt Nam
19.6	Hệ thống tuy ô	
-	Tuy ô cao su	+ Nhập khẩu gia công tại Việt Nam + Kiểu loại : 04 bố
-	Tuy ô sắt	+ Gia công sản xuất tại Việt Nam
19.7	Thùng dầu thủy lực	
-	Dung tích thùng dầu	80 lít
-	Vật liệu	Thép SS400 dày 03 mm
-	Phụ kiện đi kèm	+ Mất thăm dầu : 01 chiếc bằng thủy tinh + 01 lọc dầu thủy lực hồi về

19.8	Các thiết bị phụ trợ khác	
-	Phụ kiện thủy lực đi kèm theo xe	+Lọc dầu , đồng hồ đo áp suất , nắp dầu , khóa đồng hồ , hệ thống van , thước báo dầu , Jắc co ... + 02 Đền quay cảnh cáo làm việc + 02 bộ đứng công nhân 2 bên + 01 Giá đỡ bình nước rửa tay + 02 mét tuy ô sơ cua + 01 Rơ le hơi sơ cua
20	Hệ thống điều khiển	
-	Sơn thùng	Sơn chống rỉ toàn bộ thùng và phủ ngoài bằng loại sơn, chất lượng cao.
21	Phụ kiện đi kèm	
21.1	Xe cơ sở	01 bánh xe dự phòng; 01 con đội thủy lực và tay quay; 01 dầu đĩa CD và Radio AM/FM; Kính cửa điều khiển , khóa cửa trung tâm; 01 bộ đồ nghề tiêu chuẩn; sách hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng xe; sổ bảo hành.
21.2	Phụ kiện đi kèm	Tài liệu hướng dẫn sử dụng, thùng đựng đồ nghề, phiếu bảo hành thùng chuyên dung.
21.3	LOGO – kẻ chữ	Trên cánh cửa Cabin và hai bên hông thùng xe
21.4	Hệ Thống Thủy Lực	Bơm thủy lực
-		Van phân phối
-		Tuy ô thủy lực : lắp ráp sản xuất trong nước
-		Các thiết bị TL khác Vô, cán, ống nhập khẩu, Lắp ráp, chế tạo tại Việt Nam

Ghi chú: Thông số chính xác sẽ tuân theo Giấy chứng nhận chất lượng ATK&BBVT do Cục Đăng kiểm VN cấp.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ:

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Bên A sẽ thông báo cụ thể cho Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật.

- Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.